

Bản án số: 108/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16/3/2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đoan Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 634/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm: 1989; địa chỉ: đường HHN, Phường II, Quận XI, Thành phố H; (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành C, sinh năm: 1978; địa chỉ: đường HHN, Phường II, Quận XI, Thành phố H; (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thành C tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh chủ yếu do vấn đề tình cảm, tiền bạc. Ông C không chăm lo cho gia đình, quan tâm đến bà. Vợ chồng không có con chung, nhiều lần đi thụ tinh nhân tạo, đau đớn thể xác nhưng ông C không quan tâm mà rất thờ ơ, lạnh nhạt. Tiền bạc vợ chồng tích góp được bao nhiêu, ông C đem đi tiêu xài cá nhân hết. Bà N đã dọn ra ở riêng từ tháng 6/2017 đến nay. Nhận thấy

tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Nguyễn Thành C.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai ngày 28/12/2017 và các biên bản lập tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Thành C trình bày:

Ông và bà N chung sống có đăng ký kết hôn, vợ chồng không có con chung.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có những mâu thuẫn nhất định nhưng ông xác định vẫn còn tình cảm với bà N nên không đồng ý ly hôn.

Về tài sản: Ông C có đơn đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân ngày 22/01/2018. Tổng giá trị tài sản chung là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, ông C yêu cầu được hưởng là 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà Nguyễn Thị Cẩm N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành C.

Ông Nguyễn Thành C nhận thấy bà N cương quyết ly hôn, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông C đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Cẩm N. Ông Nguyễn Thành C xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Cẩm N khởi kiện “Tranh chấp ly hôn” với ông Nguyễn Thành C. Bị đơn có địa chỉ tại Quận 11 nên Tòa án nhân dân Quận 11 thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Thành C là vợ chồng có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm cũng như về tiền bạc. Vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng. Bản thân ông C cũng xác nhận và đồng ý ly hôn với bà N. Do đó, căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân Gia đình Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;

cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn với ông C của bà N.

Về con chung: Hai bên xác định không có con chung.

Về tài sản chung: Ông C rút lại yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu của đương sự.

Về nợ chung: Hai bên xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch đối với vụ án “Tranh chấp ly hôn” là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo qui định của pháp luật.

Ông Nguyễn Thành C được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm c Khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân

Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Thành C.

2. Về con chung: Hai bên xác định không có.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Thành C về việc chia tài sản của vợ chồng.

4. Về nợ chung: Hai bên xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0004675 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự

Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thành C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 875.000 (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0004972 ngày 12/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Đoàn Tiên